TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** TỈNH VĨNH LONG Số: 04/2023/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc** *Tam Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: số: 51/2022/TLST-DS, ngày 25/03/2022, vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS, ngày 25/03/2022 và Quyết định nhập vụ án số 88/2022/QĐST-DS, ngày 09/06/2022; thụ lý bổ sung ngày 11/08/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: 1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1969

2. Bà **Mai Ngọc D**, sinh 1970

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

3. Ông **Lê Thành S**, sinh năm 1969

4. Bà **Đặng Thị Hồng M**, sinh 1971

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Đoàn Thị Trúc H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

3. Bà **Nguyễn Thị Lạc**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

4. Bà **Nguyễn Thị Hồng**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

5. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp H, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

6. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về phần đất*: Thống nhất diện tích theo hiện trạng đo đạc thực tế theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và thỏa thuận như sau:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị Trúc H quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 184, diện tích 747,5m^2 loại đất trồng cây lâu năm và thửa 431-3(183-4), diện tích 129,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm và 192-2, diện tích 50,6m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm; cụ thể sử dụng qua các mốc 35, 30, a, b, 32, 33, 34, 35 (*có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo*), đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Lê Văn S và bà Đặng Thị Ngọc M quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 192-1, diện tích 4.317,6m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm cụ thể qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 29, a, 30, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 1 và 192-3, diện tích 21,6m^2, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, cụ thể qua các mốc 41, 42, 43, 44, 45, 41 (*có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo*), đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Văn L và bà Mai Ngọc D quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 430(183-1), diện tích 1.985,5m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm và 431-1(183-2), diện tích 143,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm và 431-2(183-3), diện tích 23,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm, cụ thể qua các mốc a, 29, 13, 14, 18, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 32, b, a (*có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo*), đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật đất đai.

- Đối với phần đất ông Nguyễn Văn L, bà Mai Ngọc D quản lý, sử dụng phải làm thủ tục thừa kế với các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Lạc, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H trước khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do trong quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu, để tự thỏa thuận sau khi giải quyết xong vụ án này.

- Đối với phần diện tích 98,2m^2 qua các mốc (14, 15, 16, 17, 18, 14) đây là phần rạch công cộng nên không được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

2.2. *Về cây trồng, vật kiến trúc*:

- Ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị Trúc H tiếp tục được quản lý, sử dụng cây trồng và vật kiến trúc trên thửa 192-2, diện tích 50,6m^2 do ông S trồng, xây dựng gồm có: Mít (trồng dưới 3 năm): 12 cây; Chuối (cao trên 2m): 13 cây; Hàng rào: Xây gạch 0,5m, trụ đá chôn chân, kéo lưới B40, xây dựng năm 2020. Diện tích (dài 51,84m x cao 2m) = 103,68m^2.

- Ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị Trúc H được quản lý, sử dụng vật kiến trúc trên thửa 431-3(183-4), diện tích 129,3m^2, do ông S xây dựng gồm có: Hàng rào: Trụ bê tông cốt thép chôn chân, xây gạch D10, láng xi măng, xây dựng năm 2020. Diện tích (ngang 18,5m x cao 2,2m) = 40,7m^2.

2.3. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Thống nhất chi phí là 7.084.000đ, ông Nguyễn Văn S đồng ý chịu toàn bộ chi phí và đã nộp xong.

2.4. *Về án phí*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị Trúc H đồng ý chịu toàn bộ án phí là 300.000đ. Được trừ qua số tiền ông S đã nộp là 600.000đ theo biên lai 0010639, ngày 25/03/2022 và 0010640, ngày 25/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, nên ông S được nhận lại số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Bảo